TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HĐ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2023
Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;

Bà Mai Thị Lý.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa***.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 351/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1998. Địa chỉ: Tổ 7, ấp TĐ, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Hoàng V, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Số 247, Tổ 7, ấp TH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Q và anh Đoàn Hoàng V quen biết với nhau là do mai mối, sau đó tìm hiểu, yêu thương nhau, tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 200

ngày 08/12/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sinh sống bên chồng tại số 247, tổ X, ấp TH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc. Nhưng từ đầu năm 2022, giữa chị và anh V xảy ra bất hòa, thường xuyên cãi vã với nhau, mâu thuẫn giữa chị với anh V ngày càng gay gắt, nên đến đầu năm 2023, chị đã bỏ về nhà cha mẹ tại tổ X, ấp TĐ, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang sinh sống cho đến nay. Vì các lý do trên, chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn lại được với nhau, nếu kéo dài chỉ làm đau khổ, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Hoàng V, để mỗi người có cuộc sống riêng của mình.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị và anh V có một con chung tên Đoàn Nguyễn Khánh B, sinh ngày 02/9/2017. Hiện chị đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B. Vì vậy, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và chị yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con 18 tuổi. Nhưng đến ngày 28/6/2023, chị Q đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2023.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị Q xác nhận quá trình chung sống chị và anh V không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Đoàn Hoàng V:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh V đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh V đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị Q yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh Đoàn Hoàng V. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Đoàn Hoàng V có nơi cư trú tại ấp TH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đoàn Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị Q và anh Đoàn Hoàng V quen biết với nhau là do mai mối, sau đó tìm hiểu, yêu thương nhau, tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 200 ngày 08/12/2016. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Đoàn Hoàng V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Q về việc xin ly hôn với anh V thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị Q và anh V có phát sinh mâu thuẫn, mà theo chị Q cho rằng do chị và anh V thường hay xảy ra bất hòa, thường xuyên cãi vã với nhau, mâu thuẫn giữa chị với anh V ngày càng gay gắt, nên đến đầu năm 2023, chị đã bỏ về nhà cha mẹ tại tổ X, ấp TĐ, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang sinh sống cho đến nay. Chị Q cũng xác định trong thời gian chị và anh V sống ly thân với nhau, thì giữa chị và anh V không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị Q đoàn tụ gia đình, nhưng chị Q vẫn kiên quyết ly hôn với anh V. Đồng thời Tòa án cũng tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V nhiều lần, nhưng anh V vẫn vắng mặt, không có mặt tại Tòa án. Điều này chứng tỏ, anh V cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Q.

Từ đó thấy được mối quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh V đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Q yêu cầu được ly hôn với anh V là có cơ sở.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Đoàn Hoàng V.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Quá trình chung sống với nhau, chị và anh V có một con chung tên Đoàn Nguyễn Khánh B, sinh ngày 02/9/2017. Hiện chị đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B. Vì vậy, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và chị yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

HĐXX xét thấy, từ khi chị Q và anh V sống ly thân với nhau cho đến nay, thì chị Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B và hiện cháu B phát triển bình thường. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và nhằm giúp cháu B phát triển tốt về mọi mặt, nên tiếp tục giao cho chị Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Nguyễn Khánh B, sinh ngày 02/9/2017 là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại đơn khởi kiện ngày 05/6/2023, chị Q có yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi cháu B, mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Nhưng đến ngày 28/6/2023, chị Q đã có đơn xin rút yêu cầu này. Do đó, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị Q xác nhận giữa chị và anh V không tài sản chung và nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Nguyễn Thị Q phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Đoàn Hoàng V.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Đoàn Nguyễn Khánh B, sinh ngày 02/9/2017 cho chị Nguyễn Thị Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ nội dung khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q yêu cầu anh Đoàn Hoàng V phải cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn

Nguyễn Khánh B, sinh ngày 02/9/2017 mỗi tháng 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Nguyễn Thị Q nuôi con, anh Đoàn Hoàng V được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Q xác nhận giữa chị và anh Đoàn Hoàng V không tài sản chung và nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Q phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Q đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009984 ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (Do Nguyễn Tuấn A nộp thay). Chị Q không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện HĐ;
- THADS huyện HĐ;
- UBND xã ML, huyện HĐ, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Lâm Nguyễn Thanh Huy